



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Ôn tập cuối năm · Unit 1–16 (SGK tr. 6–73)



Tuần 35

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)



p zza



kit



ra bow



fo

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

yog rt (sữa chua)

ebra (ngựa vằn)

gr pes (nho)

blan et (cái chăn)

ele en (số 11)

teapo (ấm trà)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

kite sea rainbow popcorn

1. The is yummy.

2. Is he flying a?

3. Let's look at the!

4. I can see a

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. sea

2. grapes

3. shoes

4. zoo

a. giày

b. sở thú

c. biển

d. nho

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Is she flying a kite? – Yes, she .

(A) isn't (B) is

2. What do you want? – I some yams.

(A) want (B) do (C) is

3. Các bạn đang lái ô tô đồ chơi. They're cars.

(A) sliding (B) driving (C) flying

4. Is there a fox? – No, there .

(A) isn't (B) is

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: tent shoes

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 35

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

- pizza - kite - rainbow - fox

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

yogurt (sữa chua) zebra (ngựa vằn) grapes (nho) blanket (cái chăn) eleven (số 11)
teapot (ấm trà)

Bài 3: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. The **popcorn** is yummy.
2. Is he flying a **kite**?
3. Let's look at the **sea**!
4. I can see a **rainbow**.

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - c 2 - d 3 - a 4 - b

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (is)
2. **A** (want)
3. **B** (driving)
4. **A** (isn't)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

tent shoes

onthi.app/phiếu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5